

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BÙI THU CHANG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO
KINH TẾ ĐỐI NGOẠI GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

Mã số: 931 02 02

HÀ NỘI - 2024

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: PGS,TS. Phạm Tất Thắng

Phản biện 1: PGS,TS. Nguyễn Chí Hiếu

Tap chí Cộng sản

Phản biện 2: PGS,TS. Nguyễn Minh Hoàn

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Phản biện 3: PGS,TS. Đinh Ngọc Giang

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi 14 giờ 00 ngày 30 tháng 3 năm 2024

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kinh tế đối ngoại (KTĐN) là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân, có vai trò hết sức quan trọng, là động lực tăng trưởng cho nền kinh tế của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, KTĐN góp phần đẩy mạnh quá trình đổi mới, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế; trực tiếp mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp, gián tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam; đồng thời, nâng cao kinh nghiệm trong xây dựng, chuyển giao, tiếp nhận công nghệ hiện đại nhằm phát huy nội lực, nâng cao sức cạnh tranh cũng như vị thế về chính trị - ngoại giao của quốc gia, góp phần bảo đảm an ninh kinh tế, trật tự xã hội và an sinh đối với con người; tăng cường quốc phòng, an ninh, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Sự lãnh đạo của Đảng đối với nền kinh tế nói chung và đối với KTĐN nói riêng là một tất yếu khách quan. Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định bảo đảm sự phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa của KTĐN; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất và sức mạnh tổng hợp trong tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTĐN; là cơ sở để phát huy tối đa các nguồn lực, các điều kiện cụ thể cho sự phát triển KTĐN; làm cho KTĐN thực sự là một động lực của sự cất cánh của đất nước.

Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của KTĐN và sự cần thiết trong lãnh đạo KTĐN, những năm qua, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo KTĐN. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố thúc đẩy KTĐN phát triển; góp phần tích cực vào việc ổn định và phát triển kinh tế, từng bước đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng, phá thế bị bao vây cấm vận; thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển bền vững; gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; tham gia tích cực vào đời sống kinh tế của cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Đảng đối với KTĐN còn có những hạn chế, yếu kém. Lãnh đạo KTĐN vẫn là vấn đề mới, còn nhiều lúng túng trong việc hoạch định chủ trương và chỉ đạo thực hiện của Đảng về KTĐN có phần chậm trễ; chưa có chiến lược tổng thể quốc gia về KTĐN, chưa có lộ trình mở cửa từng lĩnh vực cụ thể cho các hoạt động của KTĐN. Sự chỉ đạo, điều hành các hoạt động KTĐN còn có những bất cập. Một số cấp ủy đảng, thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp và một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của KTĐN, nhiều chỗ còn buông lỏng lãnh đạo, quản lý. Sự lãnh đạo, quản lý KTĐN của Đảng và Nhà nước chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng, có phần phức tạp của các hoạt động KTĐN; thiếu các văn bản cần thiết để lãnh đạo, quản lý, nhiều điều khoản trong Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp... đã lạc hậu, không theo kịp với xu thế phát triển của các loại hình KTĐN. Đặc biệt, chồng chéo trong sự phân cấp, phân quyền trong lãnh đạo, quản lý đối với KTĐN của các bộ, ban, ngành. Thiếu sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan liên quan trong chỉ đạo, quản lý về lĩnh vực này.

Khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế còn yếu, thiếu sức cạnh tranh, nhập siêu lớn. Nếu không nhanh chóng tháo gỡ, khắc phục những hạn chế nêu trên, sẽ làm cho các hoạt động của KTĐN rơi vào tình trạng trì trệ, mất cân đối, không thể trở thành cánh tay nối dài của nền kinh tế trong nước. Điều đó làm ảnh hưởng đến sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế Việt Nam, đến quy mô và nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Trong giai đoạn hiện nay, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là xu thế khách quan, lôi cuốn tất cả các nước tham gia. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế vừa đem lại thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển như vũ bão, đã, đang và sẽ tác động mạnh

mẽ đến mọi lĩnh vực, đến tất cả các quốc gia. Cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Ở trong nước, công cuộc đổi mới tiếp tục phát triển theo cả chiều rộng, chiều sâu và thu được thành tựu to lớn hơn; đồng thời, cũng đặt ra những khó khăn, thách thức cho KTĐN. Bởi vậy, tăng cường sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN là yêu cầu mang tính cấp bách và cần thiết nhằm đưa KTĐN vượt qua được những khó khăn, thách thức, tranh thủ được thời cơ, tiếp tục phát triển vững chắc.

Những vấn đề trên cho thấy, nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn; tổng kết, đánh giá một cách hệ thống, toàn diện những chủ trương và hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với KTĐN, trên cơ sở đó, xác định phương hướng và đề xuất những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Từ những lý do trên đây, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề "**Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kinh tế đối ngoại giai đoạn hiện nay**" làm đề tài luận án tiến sĩ, ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn; luận án xác định phương hướng và đề xuất những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, luận án có các nhiệm vụ:

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.

Hai là, làm rõ những vấn đề lý luận Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo KTĐN, như: khái niệm, vị trí, vai trò, nội dung, phương thức lãnh đạo KTĐN của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ba là, đánh giá đúng thực trạng sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN giai đoạn hiện nay, phân tích, làm rõ nguyên nhân và rút ra những kinh nghiệm.

Bốn là, xác định phương hướng và đề xuất các giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN trên các lĩnh vực như: Hoạt động ngoại thương; đầu tư quốc tế; hợp tác lao động; hợp tác về khoa học - kỹ thuật; tín dụng quốc tế; hợp tác trong sản xuất - kinh doanh; du lịch và kiều hối.

- Phạm vi về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN từ khi Ban Bí thư ban hành Chỉ thị 41-CT/TW ngày 15 tháng 04 năm 2010 về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến nay. Các số liệu điều tra, khảo sát chủ yếu từ năm 2010 đến nay; các giải pháp có giá trị đến 2030.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với nền kinh tế, trong đó có KTĐN.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của luận án là hiện thực hoạt động KTĐN và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN; được thể hiện chủ yếu trong các báo cáo sơ kết, tổng kết của Đảng, của các cấp, các ngành có liên quan và các số liệu, tư liệu mà nghiên cứu sinh điều tra, khảo sát thực tiễn về hoạt động KTĐN và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu cụ thể, như: lịch sử kết hợp logic; phân tích kết hợp tổng hợp; diễn dịch và quy nạp; tổng kết thực tiễn; so sánh và phương pháp chuyên gia.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Luận án là công trình khoa học nghiên cứu có hệ thống và toàn diện về sự lãnh đạo của Đảng đối với KTĐN. Trong đó, có những điểm mới chủ yếu sau đây:

Khái niệm: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kinh tế đối ngoại là tổng thể các hoạt động của Đảng tác động có định hướng đến các đối tượng lãnh đạo, từ việc đề ra đường lối, chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết về kinh tế đối ngoại nhằm phát triển, phát huy và khai thác lợi thế của kinh tế đối ngoại vào xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hai nội dung lãnh đạo: Một là, Đảng lãnh đạo xây dựng phát triển các nguồn lực, các chủ thể làm kinh tế đối ngoại (trước tiên là các doanh nghiệp, các cơ sở hạ tầng phục vụ kinh tế đối ngoại...). Hai là, Đảng lãnh đạo xử lý các tình huống về kinh tế đối ngoại và hoạt động kinh tế đối ngoại liên quan cho đến chính sách đối ngoại, quan hệ quốc tế Đảng, Nhà nước,...

Hai giải pháp: Một là, tập trung lãnh đạo xây dựng thể chế, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cản trở phát triển kinh tế đối ngoại. Hai là, lãnh đạo thực hiện các hoạch định thương mại quốc tế và thực thi các cam kết về thương mại dịch vụ trong FTA.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận của Đảng về lãnh đạo kinh tế đối ngoại giai đoạn hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo của các Bộ, ban, ngành, các tỉnh, thành ủy trong lãnh đạo kinh tế đối ngoại trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho cấp uỷ, tổ chức đảng trong quá trình lãnh đạo phát triển KTĐN; đồng thời có thể làm tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường Chính trị tỉnh, thành phố.

7. Kết cấu của luận án

Kết cấu của luận án gồm: phần mở đầu; phần nội dung với 4 chương, 10 tiết; kết luận; danh mục công trình khoa học của tác giả liên quan đến luận án; danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1

TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Kinh tế đối ngoại của Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN là một trong những chủ đề lớn, thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo, quản lý. Các công trình khoa học nghiên cứu về KTĐN và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN được thể hiện trong các sách chuyên khảo, các luận án, các đề tài nghiên cứu khoa học và các bài báo khoa học. Khảo cứu các công trình nghiên cứu có liên quan đến sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN, có thể chia thành những nhóm sau:

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH Ở NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về kinh tế đối ngoại

V. Cheang, Y. Wong (2012), "Cambodia-Laos-Vietnam: Economic Reform and Regional Integration", CICIP Working paper, Cambodian Institute for Cooperation and Peace, No. 48.

Thomson Learning, Tài Chính Quốc Tế (International Corporate Finance 10th Edition) (2012), Nxb Cengage Learning.

H. Herr, E. Schweisshelm, Truong M.H.V (2016), "The integration of Vietnam in the global economy and its effects for Vietnamese economic development", Global Labour University Working Paper 44.

H.M. Nguyen, N.H. Bui, D.H. Vo (2019), "The Nexus between Economic Integration and Growth: Application to Vietnam", Annals of Financial Economics (World Scientific) Vol. 14, No. 03.

Charles Chatterjee (2021), *Ngoại giao kinh tế và hoạch định chính sách đối ngoại*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội...

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến Đảng cầm quyền lãnh đạo kinh tế đối ngoại

Linda Yueh (2010), *The Future of Asian Trade and Growth: Economic Development with the Emergence of China* (Trương lai của tăng trưởng và thương mại châu Á: Phát triển kinh tế với sự xuất hiện của Trung Quốc), Nxb Routledge, Mỹ.

Ngô Đại Bình (2021), *Chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế và cải cách thể chế chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Winston Ma; Biên dịch và Hiệu đính: Lê Tuấn Anh, Phạm Xuân Nam, Trương Như Hiếu, Nguyễn Duy Tuấn, Trịnh Lan Hương (2022), *Nền Kinh tế di động của Trung Quốc: Những cơ hội từ sự bùng nổ tiêu dùng thông tin lớn nhất và nhanh nhất*, NXB Chính trị quốc gia.

The White House: "In Asia, President Biden and a Dozen Indo - Pacific Partners Launch the Indo - Pacific Economic Framework for Prosperity" (Tạm dịch: Tại châu Á, Tổng thống Mỹ Giô Bai-đơn và mười hai đối tác Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương khởi động Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì Sự thịnh vượng), ngày 23-5-2022.

Nguyễn Khánh Vân, Nguyễn Xuân Trung, Viện Nghiên cứu châu Mỹ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, *Tiếp cận chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á dưới thời kỳ chính quyền Tổng thống Mỹ Giô Bai-đơn*, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 17-12-2022.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về kinh tế đối ngoại

Vũ Anh Dũng (2012), *Chiến lược kinh doanh quốc tế: thực tiễn của Việt Nam, châu Á và thế giới*, Nxb Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội.

Đình Xuân Lý (2013), *Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử (1945 - 2012)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội

Lê Quốc Lý (2014), *Những vấn đề đổi mới kinh tế, chính trị và khoa học ở Việt Nam hiện nay (sách chuyên khảo)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai và Đỗ Thị Hương (Đồng chủ biên) (2014), *Thu hút FDI để phát triển kinh tế các tỉnh miền núi trung du phía Bắc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Lê Quang Thắng (2015), *Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Trung Đông, nhân tố tác động và một số gợi ý về chính sách*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Hà Thị Ngọc Oanh, Nguyễn Đăng Quế (đồng chủ biên) (2018), *Giáo trình quản lý Nhà nước về Kinh tế đối ngoại*, Học viện Hành chính quốc gia.

Trịnh Xuân Việt (chủ biên) (2019), *Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến tăng cường tiềm lực quốc phòng ở Việt Nam*, Nxb CTQG Sự thật.

Nguyễn Quang Lân và Tô Xuân Dân (đồng chủ biên) (2022), *Kinh tế đối ngoại Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Hà Nội.

Nguyễn Văn Cương (chủ biên) (2022), *Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư ở các quốc gia thành viên hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, sách chuyên khảo*, Viện Khoa học Pháp lý, Bộ Tư pháp, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật....

1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại

Nguyễn Thị Thu Hiền (2010), *Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế*, Tạp chí Lịch sử Đảng.

Nguyễn Minh Phương (2010), *Giải pháp thu hút nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vào phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố Hà Nội.

Nguyễn Đình Quỳnh (2014), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hoạt động kinh tế đối ngoại từ năm 1986 đến năm 2006*, Luận án Tiến sĩ lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Phương Hải (2017), *Đảng bộ Thành phố Hải Phòng lãnh đạo hoạt động kinh tế đối ngoại từ năm 1991 đến năm 2010*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Văn Lịch, Phùng Huy Hoàng (2020), *Nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước*, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 27/4/2020.

Hà Anh Tuấn (2020), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hoạt động đối ngoại giai đoạn 2001-2015*, Luận án chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội.

Trần Quốc Toàn (2021), *Đổi mới tư duy phát triển một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội.

Nguyễn Thị Huyền Trang (2020), *Đảng bộ thành phố Hà Nội lãnh đạo kinh tế đối ngoại từ năm 1986 đến năm 2006*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học KHXH&NV.

Nguyễn Văn Thảo (2020), *Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 02/11.

Đậu Văn Côi (2020), *Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược về kinh tế của Việt Nam trong hội nhập quốc tế*, Luận án Quản lý kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

Hoàng Phúc Lâm (chủ nhiệm) (2022), *Tích cực và chủ động hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng trong bối cảnh mới*, Đề tài khoa học cấp Bộ trọng điểm, Học viện CTQG HCM.

Hoàng Quốc Ca (2023), *Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam từ năm 2001 đến nay và tác động đến an ninh quốc gia*, Luận án chuyên ngành Chính trị học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội.

Ngoài ra, một số bài viết của Trần Quốc Việt “*Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2022: Nhìn từ quá trình triển khai đổi mới tư duy của Đảng*”, Tạp chí Cộng sản điện tử ngày 15/7/2023.

Bài viết của Nguyễn Trúc Lê, Vũ Duy, “*Nhận diện nguy cơ, thách thức của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế*”, Tạp chí Cộng sản điện tử 15-09-2023.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu

Qua tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án cho thấy: ở ngoài nước cũng như ở Việt Nam, đã có nhiều công trình nghiên cứu về KTĐN và Đảng lãnh đạo KTĐN. Cụ thể:

Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước đi sâu phân tích cơ sở hình thành, nội dung của quan hệ kinh tế quốc tế nói chung và hoạt động kinh doanh quốc tế nói riêng (đa số các học giả, chuyên gia nghiên cứu nước ngoài gọi KTĐN là hoạt động kinh doanh quốc tế).

Các công trình nghiên cứu ở trong nước tập trung phân tích quá trình đổi mới kinh tế Việt Nam nói chung và KTĐN nói riêng dưới góc độ thể chế và lịch sử trên hai phương diện chính: Chính sách kinh tế vĩ mô nói chung và chính sách KTĐN của Việt Nam nói riêng, thể hiện qua việc tiếp nhận ODA, FDI và quan hệ thương mại của Việt Nam với một số quốc gia.

Đã có một số công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng đối với KTĐN. Các công trình khoa học này phản ánh quá trình nhận thức của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển KTĐN của Việt Nam.

Như vậy, cho đến nay, ở trong và ngoài nước, đã có nhiều công trình nghiên cứu về KTĐN và Đảng lãnh đạo KTĐN dưới các góc độ, với nội dung và hướng tiếp cận khác nhau.

1.3.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu làm sáng tỏ

Kế thừa thành tựu của các công trình khoa học đã nghiên cứu, trên cơ sở khai thác nguồn thông tin, tư liệu mới, luận án tập trung nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề sau:

Thứ nhất, làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN. Tập trung làm rõ khái niệm, nội dung, vai trò và đặc điểm của KTĐN; khái niệm, nội dung, phương thức và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN.

Thứ hai, đánh giá đúng thực trạng sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN trong giai đoạn hiện nay; chỉ ra những ưu điểm và nguyên nhân; những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân. Qua đó, rút ra những kinh nghiệm có giá trị trong sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN.

Thứ ba, dự báo tình hình thế giới và trong nước, làm rõ các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN; xác định phương hướng, đề xuất các giải pháp khả thi tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với KTĐN trong những năm tới.

Chương 2

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO KINH TẾ ĐỐI NGOẠI - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM - KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM

2.1.1. Khái niệm kinh tế đối ngoại của Việt Nam

2.1.1.1. Khái niệm kinh tế đối ngoại

* *Khái niệm kinh tế:*

Kinh tế là tổng hòa các mối quan hệ tương tác lẫn nhau của con người và xã hội - liên qua trực tiếp đến việc sản xuất, trao đổi, phân phối, tiêu dùng các loại sản phẩm hàng hóa và

dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của con người trong một xã hội với một nguồn lực có giới hạn.

** Khái niệm kinh tế đối ngoại*

Kinh tế đối ngoại là tổng thể các quan hệ kinh tế, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của một quốc gia nhất định với các quốc gia khác hoặc với các tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế, được thực hiện dưới nhiều hình thức, hình thành và phát triển trên cơ sở phát triển của lực lượng sản xuất và phân công, hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng.

2.1.1.2. Khái niệm kinh tế đối ngoại Việt Nam

Kinh tế đối ngoại Việt Nam là một trong những bộ phận của nền kinh tế quốc gia, là tổng thể các quan hệ kinh tế, tài chính, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của Việt Nam với các quốc gia khác, hoặc với các tổ chức kinh tế quốc tế, do Nhà nước quản lý và điều hành; được thực hiện dưới nhiều hình thức, hình thành và phát triển trên cơ sở phát triển của lực lượng sản xuất và phân công lao động quốc tế.

2.1.2. Nội dung kinh tế đối ngoại của Việt Nam

2.1.2.1. Hoạt động ngoại thương

Ngoại thương là quá trình mua bán, trao đổi hàng hóa - dịch vụ giữa các quốc gia với nhau. Hoạt động ngoại thương là hình thức quan hệ kinh tế quốc tế cổ điển nhất, lâu đời nhất so với các hình thức khác, nhưng ngày nay nó vẫn phát huy tác dụng một cách mạnh mẽ. Bởi vì: Đẩy mạnh xuất khẩu vừa mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn cho mỗi quốc gia, lại có tác dụng thúc đẩy phát triển sản xuất trong nước và nâng cao vị thế quốc gia trên thương trường quốc tế. Vì vậy, trong chiến lược phát triển kinh tế quốc gia, nhiều nước thường chú trọng tới chiến lược “đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng chủ lực”. Nhập khẩu vừa có tác dụng đa dạng hóa sản phẩm tiêu dùng trong nước, vừa hỗ trợ cho sản xuất phát triển do đẩy mạnh nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu và máy móc thiết bị.

2.1.2.2. Đầu tư quốc tế

Đầu tư là sự bỏ vốn (của chủ đầu tư) vào kinh doanh thương mại quốc tế hoặc kinh doanh một lĩnh vực nào đó ở nước ngoài nhằm mục đích kiếm lời. Đầu tư quốc tế được xét theo mức độ quản lý của nhà đầu tư vào đối tượng bỏ vốn.

2.1.2.3. Hợp tác lao động

Hợp tác lao động: người lao động là công dân nước này thực hiện một hay một số công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động là công dân nước khác. Có những trường hợp người lao động ra nước ngoài thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động (xuất khẩu lao động); hoặc làm việc trong những công ty, đơn vị của nước ngoài đặt tại nước sở tại (xuất khẩu lao động tại chỗ).

2.1.2.4. Hợp tác về khoa học - kỹ thuật

Hợp tác về khoa học - kỹ thuật là hoạt động của các nhà khoa học của các nước cùng nghiên cứu phát minh ra những thành tựu khoa học, áp dụng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, đời sống kinh tế - xã hội. Trong những năm qua, hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ ngày càng được mở rộng trên nhiều lĩnh vực, gồm: khoa học tự nhiên (nâng cao trình độ khoa học, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững), khoa học xã hội - nhân văn (cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước), khoa học - công nghệ (nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh, phục vụ mục đích công cộng).

2.1.2.5. Tín dụng quốc tế

Tín dụng quốc tế là hoạt động của các nước, các tổ chức tín dụng quốc tế hoặc các tổ chức ngân hàng quốc tế và khu vực thực hiện việc cho vay đối với các nước cần vốn cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế hoặc khắc phục những nguy cơ đe dọa sự phát triển kinh tế

quốc gia (có thể kèm theo một số điều kiện nào đó hoặc cho vay vô điều kiện). Một trong những hình thức này là nguồn ODA (Hỗ trợ phát triển chính thức) do các nước giàu và các tổ chức quốc tế cho vay để giúp đỡ các nước nghèo hoặc những nước đang gặp khó khăn về tài chính nhằm giúp các nước này nguồn vốn phát triển kinh tế.

2.1.2.6. Hợp tác trong lĩnh vực sản xuất - kinh doanh

Bao gồm gia công, xây dựng xí nghiệp chung, chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất quốc tế. *Nhận gia công*: Đây là hình thức tận dụng nguồn lao động trong nước để gia công hàng hóa cho nước ngoài. *Xây dựng những xí nghiệp chung với sự hùn vốn và công nghệ từ nước ngoài*. Xí nghiệp chung hay hỗn hợp là kiểu tổ chức xí nghiệp công, thương nghiệp, dịch vụ và tổ chức tài chính - tín dụng. *Hợp tác sản xuất quốc tế trên cơ sở chuyên môn hóa*: Hợp tác sản xuất quốc tế có thể diễn ra theo các hợp đồng hoặc hiệp định ký kết giữa các bên, hoặc cũng có thể được hình thành do kết quả của cạnh tranh, hoặc do đầu tư và lập các chi nhánh của các công ty ở các nước.

2.1.2.7. Du lịch - Kiều hối

Du lịch là một loại hình của KTĐN. Ngành du lịch phát triển không những làm tăng doanh thu thuần của ngành mà còn tạo điều kiện cho các ngành khác phát triển theo như vận tải - bảo hiểm; sản xuất - kinh doanh những món quà lưu niệm, mang đặc trưng văn hóa quốc gia. *Kiều hối* là lượng ngoại tệ do kiều dân ở nước ngoài gửi về nước theo con đường chính thức hoặc không chính thức. Nhìn chung, các nước đều có những chính sách khuyến khích kiều dân đầu tư về Tổ quốc để góp sức cùng đồng bào trong nước đẩy mạnh phát triển kinh tế.

2.1.3. Vai trò kinh tế đối ngoại của Việt Nam

Thứ nhất, kinh tế đối ngoại góp phần đẩy mạnh quá trình đổi mới, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế nhằm phát huy nội lực quốc gia, nâng cao sức cạnh tranh cũng như vị thế về chính trị - ngoại giao của một quốc gia, nhất là đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

Thứ hai, kinh tế đối ngoại góp phần mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, thúc đẩy thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII) và viện trợ phát triển chính thức (ODA), trao đổi kinh nghiệm xây dựng, chuyển giao công nghệ và phát huy các tiềm lực của mỗi nước.

Thứ ba, kinh tế đối ngoại góp phần đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, tạo ra nhiều ngành, nghề, việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, tăng thu nhập, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân; thúc đẩy xuất khẩu lao động, phát triển nền công nghiệp du lịch, công nghiệp quốc phòng, nhằm bảo đảm an ninh kinh tế, trật tự xã hội và an sinh xã hội đối với người dân.

Thứ tư, kinh tế đối ngoại góp phần nối liền sản xuất, bảo đảm lưu thông trong nền kinh tế một cách bền vững, bảo đảm trao đổi trong nước với sản xuất và trao đổi quốc tế, cân bằng xuất - nhập khẩu, bảo đảm tính liên mạch của thị trường trong nước với thị trường thế giới và khu vực.

Thứ năm, kinh tế đối ngoại góp phần tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

2.1.4. Đặc điểm kinh tế đối ngoại của Việt Nam

Một là, kinh tế đối ngoại của Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý, điều hành. KTĐN của Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng là chủ thể xác định chủ trương, đường lối và định hướng sự phát triển của KTĐN. Đảng quyết định những vấn đề về chiến lược, sách lược, xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp, kế hoạch thực hiện KTĐN. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, KTĐN Việt Nam do Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện. Đó là việc nhà nước quản lý, điều hành các quan hệ KTĐN và các hoạt động KTĐN.

Hai là, kinh tế đối ngoại ở Việt Nam được xây dựng và phát triển trong một nền kinh tế mở rất cao. Chủ trương phát triển kinh tế đối ngoại đã đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, giúp Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần đưa đất nước thoát khỏi đói nghèo lạc hậu, đưa nền kinh tế vượt qua ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng, suy thoái kinh tế, trở thành điểm sáng ở khu vực và trên thế giới. Hiện nay, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế đối ngoại, thúc đẩy hội nhập quốc tế để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sớm đưa đất nước trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Ba là, kinh tế đối ngoại Việt Nam đang trong quá trình phát triển. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 189 trong 193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, trong đó có 30 đối tác chiến lược, đối tác toàn diện gồm tất cả 5 nước ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, 7 nước công nghiệp phát triển hàng đầu (G7) và 17 trong 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20)... Từ một nền kinh tế kế hoạch tập trung và khép kín, đến nay Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có liên kết kinh tế sâu rộng, đã ký và tham gia 17 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có các FTA thế hệ mới; kim ngạch xuất nhập khẩu tương đương khoảng 200% GDP, thu hút khoảng 400 tỷ USD vốn FDI đăng ký,... Việt Nam là thành viên của hầu hết tổ chức quốc tế và diễn đàn đa phương quan trọng, đã tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn cũng như hoàn thành nhiều trọng trách quốc tế như Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc (2008-2009 và 2020-2021), Hội nghị cấp cao ASEAN (1998, 2010 và 2020), Hội nghị cấp cao ASEM (2004), Hội nghị thượng đỉnh APEC (2006, 2017), Diễn đàn Kinh tế giới về ASEAN (2018), Hội nghị thượng đỉnh Hoa Kỳ- Triều Tiên (2019), cử hàng trăm lượt cán bộ, chiến sỹ tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc,... Quy mô được mở rộng, làm sâu sắc hơn quan hệ và tạo thế đan xen lợi ích kinh tế với các đối tác. Với các đối tác quan trọng, nhất là các nước láng giềng, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện phải chủ động, tích cực tạo lập, hoàn thiện các khuôn khổ hợp tác, gắn kết chặt chẽ quan hệ chính trị, đối ngoại với hợp tác kinh tế, quốc phòng, an ninh, văn hoá, giáo dục và khoa học - công nghệ...

2.2. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO KINH TẾ ĐỐI NGOẠI - KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC, VAI TRÒ

2.2.1. Khái niệm Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kinh tế đối ngoại

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kinh tế đối ngoại là tổng thể các hoạt động của Đảng tác động có định hướng đến các đối tượng lãnh đạo, từ việc đề ra đường lối, chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết về kinh tế đối ngoại nhằm phát triển, phát huy và khai thác lợi thế của kinh tế đối ngoại vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chủ thể lãnh đạo KTĐN là Đảng Cộng sản Việt Nam. Ở cấp Trung ương bao gồm Đại hội đại biểu toàn quốc, Ban Chấp hành Trung ương (Bộ Chính trị, Ban Bí thư); đối với cấp địa phương là cấp uỷ, tổ chức đảng các ngành, các cấp (tỉnh - huyện - cơ sở).

Đối tượng Đảng lãnh đạo KTĐN là các chủ thể của hoạt động KTĐN và các hoạt động của KTĐN. Trong đó, các chủ thể của hoạt động KTĐN, bao gồm Nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, các hiệp hội, các tổ chức kinh tế phi Chính phủ tham gia vào quá trình hoạt động KTĐN. Các hoạt động của KTĐN bao gồm: Hoạt động ngoại thương; Đầu tư quốc tế; Hợp tác lao động; Hợp tác về khoa học - kỹ thuật; Tín dụng quốc tế; Hợp tác trong lĩnh vực sản xuất - kinh doanh; Du lịch - Kiều hối...

Mục đích lãnh đạo của Đảng đối với KTĐN là định hướng phát triển các hình thức của kinh tế đối ngoại theo đúng đường lối, chủ trương và phục vụ đặc lực hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế Việt Nam, xây dựng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển đời sống vật

chất và tinh thần của xã hội, kết nối giao lưu, quảng bá đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các giá trị vật chất và nội lực của Việt Nam trên trường quốc tế, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên các lĩnh vực ngoại thương, hợp tác đầu tư, du lịch..., đồng thời, làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch, xây dựng thành công nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ trong lãnh đạo KTĐN của Đảng là: đề ra đường lối, chủ trương, chiến lược về kinh tế, nhất là kinh tế đối ngoại và ban hành nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp, chiến lược, kế hoạch thực hiện đường lối về kinh tế đối ngoại; lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nghị quyết; kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện nghị quyết, kịp thời tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, hình thành lý luận phục vụ công tác lãnh đạo; lãnh đạo, chỉ đạo Nhà nước thực hiện vai trò tổ chức, quản lý, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng bằng các phương thức thích hợp.

Hoạt động lãnh đạo KTĐN của Đảng là sự thống nhất biện chứng giữa nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo. Trong đó, nội dung lãnh đạo chính là những nhiệm vụ mà Đảng cần thực hiện để lãnh đạo KTĐN. Trong mối quan hệ giữa nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo, nội dung lãnh đạo là yếu tố cơ bản, phương thức lãnh đạo là yếu tố quan trọng.

2.2.2. Nội dung Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kinh tế đối ngoại

Một là, Đảng xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và chiến lược, kế hoạch thực hiện đường lối đối với kinh tế đối ngoại. Đảng định hướng sự phát triển của KTĐN về nội dung hoạt động của KTĐN, trong đó nội dung chính là cương lĩnh, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, yêu cầu hàng đầu là phải đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, có mục tiêu chính trị đúng đắn, rõ ràng. Do đó, đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng là nội dung lãnh đạo cơ bản, tổng quát nhất của Đảng đối với KTĐN.

Hai là, Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho kinh tế đối ngoại phát triển và tổ chức thực hiện. Đảng lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế đối ngoại theo định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng vào sự phát triển của nền kinh tế đất nước. Trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, những nguyên tắc, quy luật vận hành của kinh tế thị trường đòi hỏi việc tổ chức và vận hành bộ máy quản lý nhà nước phải theo hướng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Từ đòi hỏi khách quan đó, Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho KTĐN phát triển. Ở cấp Trung ương, đối với Quốc hội quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quyết định chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia; quyết định dự toán ngân sách Nhà nước và phân bổ ngân sách Nhà nước; phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách Nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế. Đảng lãnh đạo Chính phủ xây dựng và trình Quốc hội quyết định chính sách cơ bản về kinh tế đối ngoại. Ở cấp địa phương: Đảng lãnh đạo Hội đồng nhân dân thể chế hoá các nội dung theo quy định ban hành nhiều cơ chế chính sách đáp ứng yêu cầu tạo hành lang pháp lý để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐND cũng như tổ chức triển khai các quy định của pháp luật về kinh tế đối ngoại đối với từng địa phương cụ thể.

Ba là, Đảng lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương tổ chức phối hợp triển khai thực hiện các hoạt động kinh tế đối ngoại. Thúc đẩy và thực hiện các hoạt động của kinh tế đối ngoại cần sự liên kết, gắn kết giữa các bộ, ngành, cơ quan, địa phương, doanh nghiệp. Vì vậy, Đảng lãnh đạo và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong việc phối hợp để lãnh đạo nền kinh tế nói chung và kinh tế đối ngoại nói riêng. Cùng với phân tích tình hình, thời cơ, thuận lợi, khó khăn, thách thức trong năm 2023 và thời gian tới, thực hiện các hoạt động của kinh tế

đối ngoại phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, Kế hoạch 5 năm 2021-2025, Chiến lược 10 năm 2021-2030, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các Nghị quyết, chương trình, đề án khác của Đảng, Quốc hội, Chính phủ. Quan trọng là các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, doanh nghiệp phải căn cứ tình hình, chức năng nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch của mình, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chương trình, của Đảng, Nhà nước bằng những việc làm cụ thể; trên tinh thần “lợi ích hài hòa, rủi ro, khó khăn chia sẻ”, trong bất cứ hoàn cảnh nào các chủ thể có liên quan đều phải có trách nhiệm để cùng nhau vượt qua.

Bốn là, Đảng lãnh đạo xây dựng phát triển các nguồn lực, các chủ thể làm kinh tế đối ngoại (trước tiên là các doanh nghiệp, các cơ sở hạ tầng phục vụ kinh tế đối ngoại...). Nguồn lực là toàn bộ tài sản, tài nguyên, sức mạnh vốn có sẵn sàng đưa vào sử dụng hoặc dự trữ để phục vụ cho sản xuất và đời sống con người. Đảng lãnh đạo phát huy và đánh giá đúng các nguồn lực sẽ phát huy sức mạnh của nó và đem lại ích lợi lớn lao cho công cuộc phát triển kinh tế của đất nước nói chung và kinh tế đối ngoại nói riêng. Đảng lãnh đạo xây dựng phát triển nguồn nhân lực, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ giỏi làm trong ngành kinh tế đối ngoại. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước trên mặt trận kinh tế đối ngoại, lãnh đạo quản lý các doanh nghiệp; lãnh đạo phát huy các nguồn tài nguyên thiên nhiên; lãnh đạo xây dựng và hoàn thiện về hành lang pháp lý về đầu tư, kinh doanh của Việt Nam; lãnh đạo xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và cải cách hành chính, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển thời kỳ mới.

Năm là, Đảng lãnh đạo xử lý các tình huống về kinh tế đối ngoại và hoạt động kinh tế đối ngoại liên quan cho đến chính sách đối ngoại, quan hệ quốc tế Đảng, Nhà nước... Việt Nam mở cửa nền kinh tế và hợp tác với các nước trên thế giới sâu rộng sau khi tham gia Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP). Lợi ích lớn nhất khi tham gia thị trường quốc tế là thông qua việc các nước cùng thực hiện tiêu chuẩn cao về thương mại và đầu tư theo hướng cởi mở sẽ tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, từ đó nâng cao khả năng thu hút đầu tư nước ngoài, đồng thời thúc đẩy môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, thuận lợi, tăng cường hợp tác giữa các nước. Tuy nhiên, các tình huống về xung đột quyền lợi dẫn đến tranh chấp xảy ra trong hoạt động thương mại và đầu tư, trong hoạt động của kinh tế đối ngoại giữa các đối tác với nhau là khó tránh khỏi. Do vậy, Đảng cần lãnh đạo xử lý các tình huống trên, cũng như phòng ngừa các tranh chấp phát sinh nói chung, chuẩn bị đầy đủ kiến thức pháp lý (như xây dựng cơ chế về thương lượng, hòa giải, trọng tài và tố tụng tòa án) cần thiết cho doanh nghiệp và nhà đầu tư của Việt Nam nói riêng trước các khả năng phải tham gia xử lý tranh chấp bởi các đối tác nước ngoài trước các thiết chế tài phán có thẩm quyền là rất quan trọng. Đảng lãnh đạo việc xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường, kết nối, nắm bắt thông tin thị trường, xu hướng tiêu dùng, hệ thống phân phối xuất khẩu; hỗ trợ các doanh nghiệp, lãnh đạo việc bảo vệ các doanh nghiệp trong việc giải quyết các vụ tranh chấp thương mại quốc tế; lãnh đạo phối hợp với đơn vị liên quan, lựa chọn triển khai những hoạt động xúc tiến thương mại hiệu quả.

Sáu là, Đảng lãnh đạo sơ kết, tổng kết kinh tế đối ngoại để rút ra những kinh nghiệm lãnh đạo cho giai đoạn mới.

Tổng kết thực tiễn là một khâu không thể thiếu và có vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển của lý luận. Tổng kết thực tiễn, xét về bản chất là quá trình bằng tư duy khoa học với phương pháp biện chứng duy vật làm cơ sở để chủ thể tổng kết, phân tích, đánh giá, khái quát kinh nghiệm thực tiễn nhằm kiểm tra sự đúng sai của lý luận, từ đó bổ sung, hoàn thiện, phát triển lý luận và rút ra những bài học kinh nghiệm chỉ đạo tổ chức thực tiễn và hoạt động lý luận tiếp theo. Xây dựng và phát triển kinh tế đối ngoại định hướng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp kinh tế

mới mẻ, bởi thế phải chăm chú tổng kết thực tiễn, hình thành lý luận để chỉ đạo xây dựng kinh tế đối ngoại là một đòi hỏi tất yếu và bức thiết trong công tác tư tưởng của Đảng hiện nay.

2.2.3. Phương thức Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kinh tế đối ngoại

Một là, Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại bằng nghị quyết và định hướng lớn. Lãnh đạo bằng nghị quyết, chỉ thị là phương thức quan trọng nhất trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong điều kiện cầm quyền, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng là cơ sở để các cơ quan nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa thành các chủ trương, kế hoạch, chính sách, luật pháp. Các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về KTĐN là cơ sở để Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa nhằm thực hiện quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với kinh tế đối ngoại.

Hai là, Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại thông qua vai trò quản lý của Nhà nước nhằm cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, quyết định của Đảng thành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án công tác của Nhà nước về kinh tế đối ngoại và tổ chức thực hiện. Lãnh đạo kinh tế đối ngoại thông qua Nhà nước là phương thức lãnh đạo chủ yếu, hiệu quả nhất trong điều kiện Đảng cầm quyền. Các cơ quan nhà nước thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của Đảng thành pháp luật, các quyết định... và kế hoạch của Nhà nước - căn cứ pháp lý quan trọng nhất để quản lý, điều hành toàn bộ nền kinh tế nói chung và kinh tế đối ngoại nói riêng và để toàn dân thực hiện. Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhưng không quyết định những vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền của cơ quan nhà nước. Tuy Đảng không trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh, không quyết định các vấn đề kinh tế thuộc thẩm quyền của bộ máy nhà nước nhưng Đảng phải lãnh đạo các hoạt động đó theo đúng quan điểm, tư tưởng của Đảng.

Ba là, Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động. Công tác tuyên truyền của Đảng có tầm quan trọng to lớn trong lãnh đạo xây dựng, phát triển nền kinh tế quốc gia. Một mặt, Đảng lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội trực tiếp hoặc gián tiếp qua các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, làm cho đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực sự xuất phát từ nhân dân, phục vụ lợi ích chính đáng của nhân dân. Mặt khác, thông qua công tác tuyên truyền, Đảng vận động, thuyết phục để nhân dân hiểu rõ lợi ích vị trí, vai trò của kinh tế đối ngoại, thực hiện các chủ trương của Đảng về thương mại xuất nhập khẩu hàng hóa, về trao đổi công nghệ - kỹ thuật, thu hút FDI... và tích cực hưởng ứng thực hiện thắng lợi chủ trương đó.

Bốn là, Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại bằng công tác tổ chức, cán bộ. Đảng lãnh đạo KTĐN bằng công tác tổ chức, cán bộ là cùng với việc đề ra chủ trương, đường lối, Đảng cần phải quan tâm tới tổ chức thực hiện. Để tổ chức thực hiện, Đảng phải có tổ chức đảng và có những đảng viên ưu tú giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại để thể chế hóa và tổ chức thực hiện được chủ trương, đường lối phát triển kinh tế nói chung và phát triển KTĐN nói riêng của Đảng. Đảng lãnh đạo bằng công tác tổ chức là Đảng thông qua các tổ chức và các biện pháp tổ chức để lãnh đạo KTĐN. Trong đó, trọng tâm là lãnh đạo thiết lập tổ chức của các chủ thể làm KTĐN (gồm tổ chức chính quyền và tổ chức Đảng, đoàn thể). Đảng lãnh đạo KTĐN bằng công tác cán bộ là bằng các biện pháp công tác cán bộ để Đảng lãnh đạo KTĐN theo đúng đường lối của Đảng. Cụ thể là bằng việc Đảng lựa chọn, bố trí cán bộ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan liên quan đến kinh tế đối ngoại, như các vị trí lãnh đạo, quản lý cấp cao là Thủ tướng, cấp trung là các Bộ trưởng, trưởng ban... cấp thấp là các đại sứ, tham tán kinh tế...

Năm là, Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại thông qua các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Nhiệm vụ trọng tâm của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên là lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng. Thông qua hoạt động của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên trong các cơ quan kinh tế thực hiện có hiệu quả

các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về KTĐN. Đồng thời, xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên trong các cơ quan, đơn vị kinh tế. Coi trọng lãnh đạo phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên về thực hiện và chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chấp hành pháp luật, nhất là về kinh tế đối ngoại, gương mẫu về đạo đức, lối sống, về thái độ với nhân dân, về phong cách, lề lối làm việc....

Sáu là, Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại bằng công tác kiểm tra, giám sát. Đảng tiến hành công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng, tổ chức bộ máy nhà nước, đội ngũ cán bộ và đảng viên hoạt động trong các thành phần kinh tế chấp hành quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về KTĐN. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ và đảng viên hoạt động trong các cơ quan và tổ chức kinh tế, đặc biệt là các cán bộ, đảng viên trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nắm vững tình hình mọi mặt, nắm chắc đội ngũ cán bộ, đảng viên chấp hành quan điểm, đường lối của Đảng về KTĐN để có giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp.

2.2.4. Vai trò Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kinh tế đối ngoại

Một là, sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm hoạt động, phát triển đúng định hướng của kinh tế đối ngoại. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước trong các hình thức của KTĐN là khẳng định tính khách quan và phương hướng của quá trình đổi mới, quyết không chấp nhận con đường nào khác ngoài con đường xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo của Đảng đối với KTĐN bảo đảm sự phát triển KTĐN theo định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hai là, sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm việc huy động tối đa các nguồn lực cho sự phát triển kinh tế đối ngoại. Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm và phát huy tối đa các nguồn nội lực trong nước, các điều kiện cụ thể như nguồn nhân lực và con người Việt Nam, vị trí địa kinh tế, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng pháp lý, các dịch vụ tài chính, ngân hàng (ATM), hải quan, thuế.... Đồng thời, huy động nguồn vốn trong dân, sức dân, các lao động trong và ngoài nước để phát triển KTĐN. Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm phát huy hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện công khai, minh bạch trong lãnh đạo, quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực của đất nước.

Ba là, sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, thống nhất trong tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp trong nước về kinh tế đối ngoại. Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm việc tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, chủ trương, đường lối của Đảng; tôn trọng luật pháp và thông lệ quốc tế. Đồng thời, bảo đảm cho các hoạt động KTĐN phải tuân thủ sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước, sự giám sát của các tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội; sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa Trung ương, địa phương và giữa các các ngành, các cấp trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ phát triển kinh tế đối ngoại theo quy định.

Bốn là, sự lãnh đạo của Đảng là cơ sở đảm bảo quốc phòng, an ninh vững mạnh; đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững độc lập tự chủ và chế độ chính trị. Cơ sở kinh tế quyết định kiến trúc thượng tầng, KTĐN phát triển đảm bảo cho kiến trúc thượng tầng phát triển. Cơ sở KTĐN được xây dựng đúng hướng, không ngừng phát triển chính là tạo lập nền tảng mà trên đó kiến trúc thượng tầng được xây dựng vững chắc. Xác lập được các thiết chế xã hội, ổn định phát triển có trật tự đúng định hướng. Đó là cơ sở đảm bảo quốc phòng, an ninh vững mạnh; đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững độc lập tự chủ và chế độ chính trị nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.

Chương 3
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO KINH TẾ ĐỐI NGOẠI
GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN
VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

3.1. THỰC TRẠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO KINH TẾ ĐỐI NGOẠI GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1.1. Những ưu điểm

** Về thực hiện nội dung lãnh đạo*

Một là, Đảng đã xác định phương hướng, nhiệm vụ để định hướng sự phát triển và nội dung hoạt động đối với kinh tế đối ngoại kịp thời, sát thực tế và yêu cầu đặt ra. Nhằm tạo ra bước ngoặt về hội nhập kinh tế và kinh tế đối ngoại, Đại hội XI (năm 2011) của Đảng tiếp tục chủ trương “đưa các quan hệ quốc tế của đất nước đi vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực và bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế”. Đại hội XII (năm 2016) của Đảng bổ sung và hoàn thiện quan điểm về kinh tế đối ngoại. Báo cáo chính trị Đại hội XIII (tháng 1-2021) của Đảng đưa ra định hướng lớn bao quát những vấn đề phát triển quan trọng của đất nước trong giai đoạn 10 năm tới, trong đó nhấn mạnh “tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

Hai là, Đảng lãnh đạo Nhà nước thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại, tạo điều kiện cho kinh tế đối ngoại phát triển đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Xây dựng khuôn khổ pháp luật phù hợp với nguồn lực trong nước và đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế. Chính phủ đã ban hành Quyết định số 493/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030. Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 17/02/2023 về một số nhiệm vụ, giải pháp triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/1/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới và Luật chuyên gia công nghệ năm 2017. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối, trong năm 2022...

Ba là, các tổ chức đã phối hợp triển khai thực hiện tốt các hoạt động kinh tế đối ngoại. Thực hiện Nghị định số 87/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát, hoàn thiện vị trí chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ. Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương”. Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020, Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Thông báo số 290/TB-VPCP ngày 25/7/2023 kết luận tại cuộc họp ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế ngày 10 tháng 7 năm 2023 đã chỉ rõ Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương, các Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về chính trị, an ninh, quốc phòng và Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về văn hóa, xã hội, khoa học và

công nghệ, giáo dục và đào tạo, cùng các cơ quan liên quan tiến hành tổng kết, đánh giá 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, chú trọng đưa ra các giải pháp nâng cao sự phối hợp triển khai giữa các lĩnh vực hội nhập trong một chiến lược hội nhập tổng thể, làm cơ sở xây dựng những định hướng mới cho công tác hội nhập trong giai đoạn tới.

Bốn là, lãnh đạo xây dựng phát triển và phát huy tốt các nguồn lực, các chủ thể làm kinh tế đối ngoại. Mở rộng quy mô phát triển để khai thác có hiệu quả tiềm năng thị trường xuất khẩu gắn liền với việc nâng cao trình độ công nghệ sản xuất; Tăng cường liên kết giữa các công ty đa quốc gia và các doanh nghiệp trong nước trong ngành công nghiệp điện tử nhằm thực hiện chuyển giao công nghệ và năng lực quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh; tập trung nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp trong nước về quản lý và kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng để kết nối tốt hơn với các doanh nghiệp FDI, từng bước tham gia vào quá trình thiết kế, R&D và sản xuất linh kiện của ngành. Đồng thời, lãnh đạo cơ cấu lại không gian phát triển công nghiệp của các vùng, địa phương đảm bảo tính chuyên môn hóa cao, phát huy tốt nhất các lợi thế của mỗi vùng, địa phương về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế - chính trị, nguồn nhân lực.

Năm là, lãnh đạo xử lý tốt các tình huống về kinh tế đối ngoại và hoạt động kinh tế đối ngoại liên quan cho đến chính sách đối ngoại, quan hệ quốc tế Đảng, Nhà nước... cùng với quá trình hội nhập, các tranh chấp kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài cũng diễn biến rất phức tạp, gia tăng cả về tính chất và quy mô; việc áp dụng pháp luật để giải quyết không đơn thuần như các tranh chấp kinh doanh, thương mại trong nước, mà còn phải tham chiếu, áp dụng các quy định pháp luật, tập quán quốc tế rất rộng lớn, đa dạng. Từ ngày 1-7-2016 đến ngày 30-11-2021, tòa án nhân dân các cấp ở Việt Nam đã thụ lý 3.093 vụ án kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài (chiếm 12,7% tổng số vụ án kinh doanh, thương mại nói chung, một tỷ lệ không nhỏ), trong đó, thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là 2.235 vụ, thủ tục phúc thẩm là 766 vụ và thủ tục giám đốc thẩm là 92 vụ. Hệ thống pháp luật cơ bản đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, tạo hành lang pháp lý để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Sáu là, lãnh đạo sơ kết, tổng kết thường xuyên và hiệu quả về kinh tế đối ngoại để rút ra những kinh nghiệm lãnh đạo cho giai đoạn mới. Trong thời gian vừa qua, Đảng đã ban hành kịp thời những nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, định hướng phát triển kinh tế vùng kinh tế, các nghị quyết về đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, nghị quyết về hội nhập kinh tế quốc tế, lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, khoa học việc tổ chức thực hiện; Nhà nước đã ban hành nhiều Nghị quyết về xuất nhập khẩu, thu hút vốn ĐTNN, dịch vụ, du lịch, chuyển giao công nghệ... về các hoạt động của kinh tế đối ngoại. Theo hướng dẫn số 02-HD/TW ngày 08/02/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Căn cứ tình hình thực tế và chức năng, nhiệm vụ được giao, các cấp ủy, tổ chức Đảng trực thuộc Trung ương, cơ quan, đơn vị lựa chọn nội dung và tổ chức tổng kết, nghiên cứu những mô hình mới, cách làm hay khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện và chuẩn bị cho việc ban hành mới các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

*** Về thực hiện phương thức lãnh đạo**

Một là, trong việc Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại bằng các nghị quyết, chỉ thị, kết luận và định hướng lớn đã có nhiều thành tựu. Trong những năm qua, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận trực tiếp hoặc liên quan đến kinh tế đối ngoại. Đảng nhấn mạnh trên tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, thực hiện hợp tác quốc tế nhưng vẫn phải bảo đảm độc lập tự chủ, rằng trong thời kỳ này, hợp tác với các nước và khu vực trên thế giới được đẩy mạnh không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà

còn trên các lĩnh vực khác, thể hiện tinh thần hội nhập toàn diện với các vùng, miền, thế giới. Một số văn bản đã được ban hành để triển khai các ý kiến này. Cụ thể: Ngày 27/11/2001, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW “Về hội nhập kinh tế quốc tế”; ngày 05/02/2007, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa X đã thông qua Nghị quyết số - Nghị quyết NQ/TW “Một số biện pháp, chính sách lớn nhằm phát triển kinh tế nhanh và bền vững của Việt Nam với tư cách là một cường quốc thế giới”. Tổ chức Thương mại”; Ngày 10 tháng 4 năm 2013, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế; ngày 07 tháng 01 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị quyết số 40/QĐ-TTg, thông qua việc Việt Nam hội nhập vào Chiến lược tổng thể của cộng đồng quốc tế đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết 06-NQ/TW của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII ngày 05/11/2016, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn 2045 - hai mốc rất quan trọng, tròn 100 năm thành lập Đảng (2030) và 100 năm lập nước (2045)...

Hai là, Đảng đã lãnh đạo kinh tế đối ngoại thông qua việc phát huy tốt vai trò quản lý của Nhà nước. Những năm qua, Đảng đã lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành nhiều văn bản quy phạm pháp luật và các chương trình, kế hoạch công tác để phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế đối ngoại, mới nhất là Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030 nhằm bám sát mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra tại Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2030: “Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế”...

Ba là, việc Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại thông qua công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với kinh tế đối ngoại. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 21/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn 2022-2026 thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế để phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030. Nghị quyết nêu rõ, mục đích của Chương trình nhằm cụ thể hóa và triển khai các quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp trong Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030 trên cơ sở bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác ngoại giao kinh tế, trong đó cần quán triệt ngoại giao kinh tế là một nhiệm vụ cơ bản, trung tâm của nền ngoại giao Việt Nam, một động lực quan trọng để phát triển đất nước nhanh, bền vững

Bốn là, lãnh đạo kinh tế đối ngoại bằng công tác tổ chức, cán bộ nhằm xây dựng bộ máy làm kinh tế đối ngoại vững mạnh. Thông qua công tác tổ chức, cán bộ nhằm nghiên cứu, đề xuất xây dựng đường lối, chủ trương, nghị quyết đại hội, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định về lĩnh vực kinh tế đối ngoại của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; các

ơ chế, chính sách lớn về kinh tế đối ngoại, phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất, về các vấn đề xã hội gắn với kinh tế theo phân công của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tham gia ý kiến với các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan về các đề án, dự án kinh tế - xã hội lớn.

Năm là, lãnh đạo kinh tế đối ngoại thông qua các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Đảng đã lãnh đạo xây dựng, phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các cơ quan kinh tế, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các ngành kinh tế và các lĩnh vực của kinh tế đối ngoại. Theo Thông tư số 06/2023/TT-BCT ngày 23/3/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công thương; Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 17/02/2023 về một số nhiệm vụ, giải pháp triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ. Chính phủ ban hành các nghị định về tổ chức bộ máy của các cơ quan bộ và ngang bộ như: Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023. quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ tài chính; Nghị định số 81/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao; Nghị định số 03/2023/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Công Thương về công tác cán bộ của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia; Quyết định 166-QĐ/TW ngày 18/12/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kinh tế Trung ương; Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “Tiếp tục đổi mới, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”; Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ kế hoạch và đầu tư....

Sáu là, lãnh đạo kinh tế đối ngoại bằng công tác kiểm tra, giám sát đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước, cơ quan kinh tế, các doanh nghiệp. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với kinh tế đối ngoại được thực hiện với nhiều kết quả nổi bật, như: Đoàn kiểm tra số 548 của Bộ Chính trị làm việc với Ban Kinh tế Trung ương để thông qua Dự thảo Báo cáo kết quả kiểm tra triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đối với Ban Kinh tế Trung ương. Đoàn Kiểm tra số 2 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, tiêu cực đã làm việc, thông báo kết quả kiểm tra Chuyên đề phát hiện, chuyển giao, tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và giám định, định giá tài sản trong giải quyết các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế, tiêu cực tại Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính. Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phát hiện, chuyển giao, tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố các vụ việc có dấu hiệu tội phạm về tham nhũng, kinh tế, tiêu cực; Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác giám định, định giá tài sản trong giải quyết các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế, tiêu cực.

3.1.2. Hạn chế, khuyết điểm

*** Về thực hiện nội dung lãnh đạo**

Một là, KTĐN là một trong những ngành kinh tế quan trọng của nước ta, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, nhưng Đảng chưa quan tâm kịp thời, đúng mức; việc đề ra quan điểm chỉ đạo, định hướng cho sự phát triển và hoạt động của các lĩnh vực kinh tế đối ngoại chưa được thường xuyên và đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Hai là, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với kinh tế đối ngoại chưa được tinh gọn, còn trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan.

Ba là, lãnh đạo các tổ chức phối hợp triển khai thực hiện các hoạt động kinh tế đối ngoại chưa đồng bộ, thống nhất trong các tổ chức, doanh nghiệp.

Bốn là, lãnh đạo xây dựng phát triển các nguồn lực, việc quản lý, khai thác, sử dụng, phát huy các nguồn lực hiện còn hạn chế, bất cập; việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực chưa hợp lý, hiệu quả chưa cao, nhiều trường hợp chưa theo cơ chế thị trường, gây lãng phí và làm cạn kiệt nguồn lực của đất nước

Năm là, lãnh đạo xử lý các tình huống về kinh tế đối ngoại và hoạt động kinh tế đối ngoại liên quan cho đến chính sách đối ngoại, quan hệ quốc tế Đảng, Nhà nước chưa kịp thời, chưa hiệu quả

Sáu là, lãnh đạo sơ kết, tổng kết kinh tế đối ngoại để rút ra những kinh nghiệm lãnh đạo cho giai đoạn mới chưa thường xuyên, thậm chí một số nơi còn tổng kết thiếu tính khả thi

*** Về thực hiện phương thức lãnh đạo**

Một là, việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận và định hướng lớn đối với kinh tế đối ngoại thời gian qua chất lượng chưa cao, còn thiếu rõ ràng.

Hai là, lãnh đạo phát huy vai trò quản lý của nhà nước đối với kinh tế đối ngoại chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; hiệu lực, hiệu quả chưa cao; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm.

Ba là, công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động đối với kinh tế đối ngoại còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu.

Bốn là, công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ trong các cơ quan về kinh tế đối ngoại chưa được coi trọng đúng mức.

Năm là, một số cấp ủy chưa coi trọng, thậm chí buông lỏng công tác kiểm tra, giám sát đối với kinh tế đối ngoại

3.2. NGUYÊN NHÂN CỦA THỰC TRẠNG

3.2.1. Nguyên nhân những ưu điểm

*** Nguyên nhân chủ quan**

Một là, Đảng đã có nhận thức mới về đặc thù của KTĐN và tầm quan trọng, trách nhiệm lãnh đạo của mình đối với KTĐN, thấy rõ được những khó khăn, phức tạp, đặc biệt là sự tác động của cơ chế thị trường và sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch.

Hai là, đội ngũ cán bộ, đảng viên tích cực, chủ động, sáng tạo trong thực hiện các nghị quyết của Đảng và Nhà nước về kinh tế đối ngoại.

Ba là, Đảng đã quyết liệt chỉ đạo công tác sắp xếp, cơ cấu lại mô hình, tổ chức doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân...

Bốn là, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và nhân dân đã tham gia thực hiện các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Đảng và Nhà nước về kinh tế đối ngoại, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân trong phát triển các mặt hàng xuất nhập khẩu, phối hợp liên thông giữa các bộ ban ngành và địa phương trong từng loại hình của kinh tế đối ngoại, đặc biệt đã hỗ trợ người dân tham gia vào hoạt động sản xuất đối với các mặt hàng xuất khẩu như thủy sản, nông nghiệp...

Năm là, đảm bảo an ninh kinh tế, hành lang pháp luật đối với các hoạt động kinh tế đối ngoại, đặc biệt là đảm bảo an toàn trật tự, xã hội đối với các vùng kinh tế, ngành kinh tế, đối với các khu công nghiệp trọng điểm, đảm bảo môi trường đầu tư, nguồn lực đầu tư và hàng rào thuế quan trong các lĩnh vực ĐTN.

*** Nguyên nhân khách quan**

Một là, sự phát triển của đất nước và đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra cơ hội tốt cho KTĐN phát triển.

Hai là, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin đang có những bước phát triển nhanh.

Ba là, kinh tế thị trường đòi hỏi cấp ủy chỉ đạo KTĐN không ngừng vươn lên, chủ động, phát huy hết khả năng của mình.

3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

*** Nguyên nhân chủ quan**

Một là, một số cấp ủy đảng chưa nhận thức đầy đủ về lý luận, về mô hình, mục tiêu và tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, về kinh tế đối ngoại còn nhiều nội dung chưa rõ, chưa sát thực tiễn, còn chủ quan, duy ý chí; chưa có nghị quyết chuyên đề của Đảng về kinh tế đối ngoại trong tình hình mới.

Hai là, năng lực, trình độ lãnh đạo kinh tế đối ngoại có mặt hạn chế, kinh nghiệm lãnh đạo về kinh tế đối ngoại chưa nhiều, các cấp ủy đảng đứng trước nhiều thách thức về bản lĩnh chính trị, trình độ yêu cầu mới

Ba là, tổ chức bộ máy của nhiều bộ, ban, ngành chưa thật gọn, nhẹ, khoa học, trình độ mọi mặt và năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, công chức làm trong lĩnh vực KTĐN hạn chế, một số cán bộ, công chức suy thoái ảnh hưởng không nhỏ việc lãnh đạo KTĐN của Đảng.

Bốn là, công tác tuyên truyền về KTĐN chưa hiệu quả, đặc biệt là với đội ngũ lãnh đạo về kinh tế đối ngoại.

Năm là, công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá và tổng kết thực tiễn chưa được tiến hành một cách căn cơ, bài bản, thiết thực và kịp thời.

*** Nguyên nhân khách quan**

Một là, những vấn đề mới nảy sinh, một số “điểm nghẽn”, xung đột hoặc tranh chấp thương mại diễn ra trong hoạt động quản lý đối với KTĐN, sự đa dạng, phong phú về các hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, đầu tư, tài chính, ngân hàng, các hệ thống luật trên thế giới thay đổi nhanh chóng và phức tạp ảnh hưởng đến sự lãnh đạo của Đảng.

Hai là, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tác động mạnh mẽ đến sản xuất, thúc đẩy nền kinh tế thế giới chuyển sang kinh tế tri thức - "thông minh".

Ba là, những mâu thuẫn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, Đảng lãnh đạo KTĐN trong điều kiện hiện nay ở nước ta vẫn là vấn đề mới và khó, một số các văn bản pháp luật, văn bản dưới luật, các hướng dẫn thi hành vẫn còn nhiều kẽ hở, lúng túng trong giải quyết các vấn đề phát sinh, các rào cản hoặc những điều khoản chưa phù hợp giữa luật trong nước và luật pháp quốc tế.

Năm là, tình hình thế giới và khu vực dự báo sẽ còn tiếp tục có những diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường

3.3. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

3.3.1. Kiên trì bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với kinh tế đối ngoại, tích cực đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, song không xa rời các nguyên tắc

3.3.2. Bảo đảm thống nhất chặt chẽ giữa sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với kinh tế đối ngoại theo một cơ chế rõ ràng

3.3.3. Lãnh đạo, quản lý kinh tế đối ngoại trên cơ sở phát huy các nguồn nội lực, luật pháp quốc tế và phù hợp với các hoạt động của kinh tế đối ngoại

3.3.4. Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ am hiểu sâu về luật pháp quốc tế, thương mại, đầu tư quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, trước hết là cán bộ trực tiếp làm công tác hội nhập quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế

3.3.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện, ngăn ngừa và uốn nắn kịp thời những lệch lạc, có biện pháp xử lý các sai phạm khi cần thiết

Chương 4
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU
TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI
KINH TẾ ĐỐI NGOẠI ĐẾN NĂM 2030

4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI KINH TẾ ĐỐI NGOẠI ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2045

4.1.1. Dự báo những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với kinh tế đối ngoại đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045

4.1.1.1. Những yếu tố thuận lợi

*** Bối cảnh mới của quốc tế, khu vực**

Một là, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Hai là, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển nhanh như vũ bão đang và sẽ tác động đến tất cả các quốc gia.

Ba là, hội nhập kinh tế quốc tế là tham gia vào sân chơi chung của khu vực và toàn cầu (phải tuân thủ luật chơi chung, kiểu chơi, chủ thể tham gia cuộc chơi...).

Bốn là, sự điều chỉnh chiến lược của một số nước tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển KTĐN.

*** Bối cảnh trong nước**

Một là, công cuộc đổi mới trong cả nước tiếp tục phát triển theo chiều rộng và chiều sâu, sẽ thu được thành tựu to lớn hơn đòi hỏi, khích lệ, cổ vũ, tăng cường lãnh đạo kinh tế đối ngoại đạt kết quả.

Hai là, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN tiếp tục được hoàn thiện.

Ba là, chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý trên lĩnh vực KTĐN được nâng lên.

Bốn là, quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với các Đảng Cộng sản và đảng cầm quyền khác trên thế giới ngày càng mở rộng.

4.1.1.2. Những yếu tố khó khăn, thách thức

*** Bối cảnh mới của quốc tế, khu vực**

Một là, chủ nghĩa bảo hộ mới đang cản trở thương mại tự do, ảnh hưởng đến các hoạt động của kinh tế đối ngoại Việt Nam.

Hai là, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế.

Ba là, khủng hoảng kinh tế thế giới làm đứt gãy các chuỗi cung ứng.

Bốn là, sự đe dọa của các nguy cơ an ninh phi truyền thống.

Năm là, tình hình trong khu vực có những biến động phức tạp.

*** Nhân tố bên trong**

Một là, cuộc đấu tranh giữa định hướng và chệch hướng XHCN tác động tới sự lãnh đạo của Đảng đối với KTĐN.

Hai là, trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan kinh tế, nhất là nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt còn yếu kém, bất cập so với nhiệm vụ và yêu cầu ngày càng cao của KTĐN.

Ba là, cơ sở pháp lý để phát triển KTĐN chưa được hoàn thiện.

Bốn là, Đảng lãnh đạo KTĐN trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, định hướng XHCN, mở cửa, hội nhập quốc tế sẽ vẫn là vấn đề mới, khó và phức tạp; kinh nghiệm lãnh đạo KTĐN của Đảng còn có những hạn chế.

4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với kinh tế đối ngoại đến năm 2030

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với tiến trình hội nhập kinh tế đối ngoại, chú trọng tiếp tục đổi mới tư duy, cách làm, quyết liệt, đồng bộ, thống nhất trong hành động, giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối chiến lược phát triển kinh tế của đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, bảo vệ vững chắc an ninh và toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường.

2. Bám sát mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra tại Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2030: “Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế”.

3. Lãnh đạo xây dựng nền kinh tế tự chủ phải phục vụ mục tiêu góp phần tăng cường sức mạnh nội sinh trên cơ sở làm chủ công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường.

4. Lãnh đạo hội nhập kinh tế đối ngoại là trọng tâm, ưu tiên của hội nhập quốc tế; hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế đối ngoại và phải được thực hiện đồng bộ trong một chiến lược hội nhập quốc tế tổng thể với lộ trình, phương án, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của đất nước.

5. Lãnh đạo thực hiện đa dạng hình thức hội nhập kinh tế đối ngoại, chú trọng hội nhập kinh tế số với các lộ trình linh hoạt, phù hợp với điều kiện, mục tiêu của đất nước trong từng giai đoạn.

6. Lãnh đạo các nhiệm vụ hội nhập kinh tế đối ngoại đặt ra cần có tính toàn diện, sâu sát, linh hoạt, chủ động, sáng tạo, có tính dự báo nhằm mang lại hiệu quả thực chất.

4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI KINH TẾ ĐỐI NGOẠI ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2045

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với kinh tế đối ngoại của đất nước

Một là, thống nhất và nâng cao nhận thức phát triển kinh tế đối ngoại XHCN, như các nội dung về tiêu chí hiện đại, hội nhập quốc tế; về cơ chế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; về bảo đảm định hướng XHCN vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước; về vị trí, vai trò của các hoạt động kinh tế đối ngoại; về mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội... để từ đó thống nhất cách hiểu và thực hiện.

Hai là, nâng cao vai trò trách nhiệm của Đảng đối với quá trình xây dựng và thực thi hệ thống thể chế đối với kinh tế đối ngoại: Đảng tạo lập cơ sở và đảm bảo định hướng chính trị cho hoạt động thể chế hóa; và Đảng lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện quy trình thể chế hóa của Nhà nước nhằm tạo lập hệ thống các nguyên tắc, cơ chế, chính sách, luật pháp phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước, phù hợp với phát triển kinh tế nói chung và kinh tế đối ngoại nói riêng.

Ba là, các cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, làm cho các ngành, các cấp, cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí của kinh tế đối ngoại, xem đó là nguồn lực to lớn, cùng với các nguồn lực khác thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững, cùng với xu thế của thế giới.

Bốn là, tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò chiến lược của kinh tế đối ngoại đối với phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh một cách sâu rộng trong các cấp, các ngành và trong nhân dân, nhất là đối với các ngành có liên quan đến kinh tế đối ngoại, chính quyền các địa phương có các vùng, tiểu vùng kinh tế, nhà máy hoạt động trên địa bàn.

4.2.2. Tập trung lãnh đạo xây dựng thể chế, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cản trở phát triển kinh tế đối ngoại

Bên cạnh những thành tựu, thể chế kinh tế của Việt Nam vẫn còn tạo ra không ít các rào cản đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đối với kinh tế đối ngoại nói riêng. Một số loại rào cản đã được chỉ ra là: Loại rào cản xuất phát từ hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước. Loại rào cản phát sinh từ bộ máy Nhà nước và cơ chế hoạt động của bộ máy nhà nước. Loại rào cản sinh ra từ cơ chế hình thành và vận hành các loại thị trường trong nền kinh tế. Loại rào cản đối với các tác nhân tham gia hoạt động trong nền kinh tế.

Để tháo gỡ, khắc phục các rào cản về thể chế kinh tế tạo thuận lợi cho kinh tế đối ngoại phát triển mạnh và bền vững, cần trọng tâm vào một số nội dung sau: Một là, cải cách và hoàn thiện thể chế kinh tế. Hai là, lãnh đạo nâng cao vai trò định hướng của Nhà nước trong các hoạt động của kinh tế đối ngoại: Ba là, lãnh đạo nâng cao trách nhiệm của Nhà nước

4.2.3. Lãnh đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức, bộ máy của các ban, bộ, ngành có quan hệ trực tiếp đến quản lý, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế đối ngoại

Xây dựng tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ, đây là vấn đề cơ bản, rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến toàn bộ hoạt động của Đảng, Nhà nước và Chính phủ. Vì vậy, các cơ quan kinh tế, ban, bộ, ngành và chính quyền các cấp cần đặc biệt quan tâm, làm tốt hơn nữa công tác này, thực hiện nghiêm Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật khác có liên quan nhằm xây dựng tổ chức, bộ máy và cán bộ về kinh tế đối ngoại thật sự trong sạch, vững mạnh, có đủ bản lĩnh, trí tuệ, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và trình độ chuyên môn vững vàng. *Một là*, Chính phủ cần thống nhất quản lý hoạt động kinh tế đối ngoại thông qua các bộ, ngành có liên quan: *Hai là*, cần phải đổi mới mô hình tổng thể tổ chức chính quyền địa phương. *Ba là*, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ làm trong ngành kinh tế đối ngoại có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới.

4.2.4. Lãnh đạo phát triển mạnh các nguồn lực, tổ chức kinh tế là kinh tế đối ngoại

Thời gian qua, việc quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế bao gồm: Nhân lực, vật lực và tài lực đã có đóng góp quan trọng vào sự nghiệp đổi mới, phát triển và hội nhập của đất nước. Vì vậy, lãnh đạo việc quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng và phát huy có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế cho phát triển củ KTĐN là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân. Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách để khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực của đất nước. Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyên từ chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, vốn đầu tư và lao động sang sử dụng tổng hợp, có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế; nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Cơ cấu lại nền kinh tế, ngành, vùng và sản phẩm chủ yếu theo hướng hiện đại, phát huy lợi thế so sánh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Nâng cao năng lực kiến tạo, quản trị quốc gia và năng lực tự chủ, đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp. Chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc

Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ thông tin về các nguồn lực trong nền kinh tế để sử dụng tối ưu và hiệu quả; phân phối, chia sẻ và tái sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dư thừa, làm gia tăng giá trị các nguồn lực của nền kinh tế. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội tổ chức phổ biến, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện nghiêm túc.

4.2.5. Chú trọng lãnh đạo thực hiện các hiệp định thương mại quốc tế thế hệ mới và thực thi các cam kết về thương mại dịch vụ trong FTA

Việc ký kết và tham gia các FTA thế hệ mới sẽ có tác động lớn đến nền kinh tế Việt Nam thông qua việc mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, theo đó, kim ngạch xuất nhập khẩu sang các nước đối tác sẽ tăng, củng cố thị trường truyền thống, khơi thông nhiều thị trường tiềm năng trên cơ sở thúc đẩy quan hệ với các đối tác chiến lược kinh tế quan trọng. Vì vậy, Đảng cần lãnh đạo thực hiện một số giải pháp sau *Một là, thực thi hiệu quả các FTA*. Rà soát, khắc phục sự chồng chéo giữa các bộ, ngành trong việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế; Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành; phát huy hiệu quả cơ chế tham vấn giữa cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp... *Hai là, lãnh đạo đối với Nhà nước*. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách gắn với việc thực hiện các cam kết hội nhập, nhằm nâng cao hiệu quả huy động, sử dụng vốn đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách để thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế theo lộ trình... *Ba là, lãnh đạo đối với các hiệp hội*. Tiếp tục triển khai các hoạt động cung cấp và tư vấn cho doanh nghiệp về pháp luật kinh doanh, kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, cũng như kinh nghiệm đối phó với các vụ kiện quốc tế, những rào cản thương mại của các thị trường xuất khẩu... *Bốn là, lãnh đạo đối với doanh nghiệp*. Tăng cường liên kết với nhau, tạo những cơ hội đầu tư nhằm tăng sức mạnh cạnh tranh.

4.2.6. Tăng cường kiểm tra, giám sát, tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo để kịp thời sửa đổi và ban hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đáp ứng yêu cầu thực tiễn về kinh tế đối ngoại

Sự lãnh đạo của Đảng đối với KTĐN thể hiện ở việc đề ra chủ trương, đường lối phát triển KTĐN và kiểm tra, giám sát thực hiện chủ trương, đường lối đó. Mục đích kiểm tra, giám sát là làm cho chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về KTĐN được thi hành một cách đúng đắn và sáng tạo. Để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với kinh tế đối ngoại cần thực hiện một số nội dung sau: *Một là*, xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đối với KTĐN để tạo thế chủ động, kịp thời, tránh thụ động, chỉ kiểm tra, xử lý các vụ việc vi phạm, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, phục vụ nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng. *Hai là*, tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện hệ thống các quy định về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng về kinh tế đối ngoại; xây dựng, hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. *Ba là*, tăng cường sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, điều tra, kiểm toán và các cơ quan quản lý nhà nước, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội. *Bốn là*, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả sự lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của đảng. *Năm là*, đổi mới, kiện toàn UBKT, tổ chức bộ máy và cơ quan UBKT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. *Sáu là*, đổi mới công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. *Bảy là*, mọi cấp ủy, tổ chức đảng, mọi cán bộ, đảng viên cần quán triệt sâu sắc về sự cần thiết, ý nghĩa quan trọng của sự gương mẫu, nêu gương của người cán bộ, đảng viên để tự giác, chủ động phấn đấu thực hiện.

KẾT LUẬN

Kinh tế đối ngoại là một trong những bộ phận cấu thành của nền kinh tế quốc gia; là toàn bộ các quan hệ về kinh tế, tài chính, khoa học - kỹ thuật, công nghệ của quốc gia này với các quốc gia khác hoặc với các tổ chức kinh tế quốc tế trên thế giới, được thực hiện dưới nhiều hình thức, hình thành và phát triển trên cơ sở phát triển của lực lượng sản xuất và phân công lao động quốc tế. Sự phát triển của kinh tế đối ngoại được coi là một trong những khâu quan trọng của nền kinh tế trong chuỗi giá trị toàn cầu và trở thành động lực tăng trưởng cho kinh tế quốc gia.

Trước xu thế mới của thời đại, kinh tế đối ngoại ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của nền kinh tế toàn cầu cũng như tiến trình phát triển của mỗi quốc gia, góp phần đẩy mạnh quá trình đổi mới, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế nhằm phát huy nội lực quốc gia, nâng cao sức cạnh tranh cũng như vị thế về chính trị - ngoại giao, nhất là đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Đồng thời, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, thúc đẩy thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII) và viện trợ phát triển chính thức (ODA), trao đổi kinh nghiệm xây dựng, chuyển giao công nghệ và phát huy các tiềm lực của mỗi nước; đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, tạo ra nhiều ngành, nghề, việc làm; nối liền sản xuất, bảo đảm lưu thông trong nền kinh tế một cách bền vững, bảo đảm trao đổi trong nước với sản xuất và trao đổi quốc tế, cân bằng xuất - nhập khẩu, bảo đảm tính liên mạch của thị trường trong nước với thị trường thế giới và khu vực

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Sự lãnh đạo của Đảng đối với nền kinh tế nói chung và đối với kinh tế đối ngoại nói riêng là một tất yếu khách quan. Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của kinh tế đối ngoại và sự cần thiết trong lãnh đạo kinh tế đối ngoại, những năm qua, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo kinh tế đối ngoại với các nội dung lãnh đạo như xác định phương hướng, nhiệm vụ và chiến lược, kế hoạch thực hiện đường lối đối với kinh tế đối ngoại; lãnh đạo Nhà nước thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho kinh tế đối ngoại phát triển; lãnh đạo các tổ chức phối hợp triển khai thực hiện các hoạt động kinh tế đối ngoại; lãnh đạo xây dựng phát triển các nguồn lực, các chủ thể làm kinh tế đối ngoại; lãnh đạo xử lý các tình huống về kinh tế đối ngoại và hoạt động kinh tế đối ngoại liên quan cho đến chính sách đối ngoại, quan hệ quốc tế Đảng, Nhà nước...; lãnh đạo sơ kết, tổng kết kinh tế đối ngoại để rút ra những kinh nghiệm lãnh đạo cho giai đoạn mới. Đảng lãnh đạo kinh tế đối ngoại bằng các phương thức như đề ra các nghị quyết, chỉ thị, kết luận và định hướng lớn; thông qua Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa để thực hiện các nghị quyết của Đảng; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động; bằng công tác tổ chức, cán bộ; ngoại thông qua các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại; bằng công tác kiểm tra, giám sát.

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kinh tế đối ngoại là một tất yếu khách quan, đảm bảo năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng thời đại mới, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm xây dựng kinh tế, chính trị - xã hội ổn định, an ninh được giữ vững và tăng cường; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Bùi Thu Chang (2019), "Phát triển kinh tế đối ngoại của tỉnh Vĩnh Phúc, một số vấn đề cần quan tâm", *Tạp chí Khoa học*, số 53, tr.49-54.
2. Bùi Thu Chang (2019), "Chức năng cơ bản của Công đoàn qua nghiên cứu quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam", *Tạp chí Khoa học*, số 56, tr.16-20.
3. Bùi Thu Chang (2020), "Some manifestations of the current political issues in personnel work", *Journal of science Ha Noi Open University*, (65), tr.1-7.
4. Phạm Tất Thắng, Bùi Thu Chang (Đồng tác giả, 2022), *Phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể trong đấu tranh với các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên*, Hội thảo khoa học cấp quốc gia, tr.255-261.
5. Bùi Thu Chang (Tham gia, 2022), *Cẩm nang Bí thư chi bộ (Đại hội Đảng khóa XIII)*, Nxb Thông tin truyền thông.
6. Bùi Thu Chang (2022), "Chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh mới", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 16/6.
7. Bùi Thu Chang (2022), "Tình hình mới và những vấn đề đặt ra cho sự lãnh đạo kinh tế đối ngoại của Đảng", *Tạp chí Lý luận chính trị*, số chuyên đề quý I, tr.185-189.
8. Bùi Thu Chang (2023), “Phát triển kinh tế đối ngoại của tỉnh Nghệ An hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 15/8.
9. Bùi Thu Chang (2023), "Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp chiến lược về kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế", *Tạp chí Lý luận chính trị*, số chuyên đề, tr.17-22.
10. Lâm Quốc Tuấn, Bùi Thu Chang (2023), "Nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng trong khu vực kinh tế tư nhân", *Tạp chí Công an nhân dân*, Kỳ 2, số 4, tr.36-39.